CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y

Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

2. Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y[1]*,*

---

[1] Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Pháp chế,"

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y".

Điều 2[2]. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Bãi bỏ Quyết định số 609/NN-TY/QĐ ngày 06 tháng 9 năm 1994 của Bộ trưởng

---

Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm số 12/2003/PL-UBTVQH được Ủy Ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 7 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH được Ủy Ban thường vụ Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 163/2004/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Vệ sinh an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y; Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28/11/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010 như sau:"

[2] Điều 4 Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009, được quy định như sau:

*"**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo".*

Điều 3 Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010, được quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký."

Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về việc ban hành các mẫu hồ sơ kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật.

Điều 3[3]. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

---

[3] Điều 5 Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009, được quy định như sau:

*"**Điều 5.** Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./."*.

Điều 4 Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010, được quy định như sau:

"Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị báo cáo về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét, sửa đổi, bổ sung./.".

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y

(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng đối với việc vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trong nước, xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam; kiểm tra vệ sinh thú y.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Quyết định này thì áp dụng theo điều ước quốc tế đó.

3. Trong trường hợp động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu sang các nước có thỏa thuận giữa cơ quan Thú y Việt Nam và cơ quan Thú y nước nhập khẩu về mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thì thực hiện theo mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch đó.

Điều 3. Hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y

1. Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện (Mẫu: 1): sử dụng đối với động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện trong tỉnh và ra ngoài tỉnh.

2. Giấy đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu (Mẫu: 2).

3. Giấy đăng ký kiểm dịch (Mẫu: 3): sử dụng để đăng ký kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam phục vụ thông quan hàng hóa tại cửa khẩu *(ban hành kèm theo Thông tư số 17/2003/TTLT-BTC-BNN&PTNT-BTS ngày 14/3/2003 giữa Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Thủy sản)*;

4. Bản khai kiểm dịch động vật (Mẫu: 4): sử dụng đối với chủ tầu biển vận chuyển động vật, sản phẩm động vật vào lãnh thổ Việt Nam *(ban hành kèm theo Nghị định số 160/2003/NĐ-CP ngày 18/12/2003 của Chính phủ về quản lý hoạt động Hàng hải tại cảng biển và khu vực Hàng hải của Việt Nam)*.

5. Giấy đăng ký kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu: 5).

6. Biên bản kiểm tra và lấy mẫu xét nghiệm (Mẫu: 6).

7. Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y của động vật, sản phẩm động vật (Mẫu: 7).

8. Biên bản mở niêm phong phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật, sản phẩm động vật (Mẫu: 8).

9. Quyết định xử lý động vật, sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y (Mẫu: 9).

10. Biên bản xử lý vệ sinh thú y hàng động vật, sản phẩm động vật (Mẫu: 10).

11. Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu: 11).

12. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh (Mẫu: 12).

12a[4]. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển trong tỉnh (Mẫu: 12a).

13. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh (Mẫu: 13).

13a[5]. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển trong tỉnh (Mẫu: 13a).

14. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (Mẫu: 14).

14a[6]. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (Mẫu: 14a).

15. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (Mẫu: 15).

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

15a[7]. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh (Mẫu: 15a).

16. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật (Mẫu: 16): sử dụng đối với kiểm dịch động vật xuất khẩu.

17. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật (Mẫu: 17): sử dụng đối với kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu.

18. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu vận chuyển về khu cách ly kiểm dịch (Mẫu: 18).

19. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu vận chuyển về khu cách ly kiểm dịch (Mẫu: 19).

20. Thông báo kết thúc thời gian cách ly kiểm dịch động vật (Mẫu: 20).

21. Thông báo kết thúc thời gian cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật (Mẫu: 21).

22. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật nhập khẩu (Mẫu: 22): sử dụng đối với động vật không thuộc diện phải cách ly kiểm dịch.

23[8]. Giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật nhập khẩu không dùng làm thực phẩm (Mẫu 23);

23a[9]. Giấy chứng nhận kiểm dịch và vệ sinh an toàn thực phẩm sản phẩm động vật nhập khẩu dùng làm thực phẩm (Mẫu 23a).

24. Chứng nhận kiểm dịch động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu: 24).

25. Chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam (Mẫu: 25).

26. Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (Mẫu: 26).

---

[7] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

[8] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010.

Điều 4. Sử dụng mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trong một số trường hợp

1. Động vật, sản phẩm động vật tạm xuất tái nhập: sử dụng mẫu đăng ký kiểm dịch và mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Đối với cơ sở giết mổ động vật, sơ chế sản phẩm động vật với mục đích để xuất khẩu được cơ quan kiểm dịch động vật xuất nhập khẩu kiểm tra, giám sát, nếu cơ sở có nhu cầu tiêu thụ nội địa hoặc xuất khẩu sang những nước không có yêu cầu về kiểm dịch xuất khẩu thì phải đăng ký kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động vật quản lý cơ sở đó và sử dụng các mẫu giấy đăng ký kiểm dịch và mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch sản phẩm động vật xuất khẩu.

Điều 5. Mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y

1. Các mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y được in trên giấy in khổ A4, ở giữa có Logo kiểm dịch động vật in chìm, màu đen nhạt, đường kính 12cm.

2. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước được đóng dấu "**BẢN GỐC**" hoặc "**BẢN SAO**" bằng mực dấu màu đỏ ở góc bên phải phía dưới "**Mẫu:...**" (Mẫu dấu theo quy định tại phụ lục kèm theo). Số lượng giấy chứng nhận kiểm dịch được phát hành như sau:

a) Bản gốc: 01 bản lưu tại cơ quan kiểm dịch động vật, 01 bản cấp cho chủ hàng;

b) Bản sao: căn cứ vào nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển (nếu có) để cấp bản sao cho chủ hàng, mỗi nơi giao hàng chỉ cấp 01 bản sao.

3. Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được đóng dấu "**ORIGINAL**" hoặc "**COPY**" bằng mực dấu màu đỏ ở góc bên phải phía dưới "**Mẫu:...**" (Mẫu dấu theo quy định tại phụ lục kèm theo). Số lượng giấy chứng nhận kiểm dịch được phát hành như sau:

a) Bản Original: 01 bản lưu tại cơ quan kiểm dịch động vật, 01 bản cấp cho chủ hàng;

b) Bản Copy: cấp cho chủ hàng 02 bản.

Điều 6. Thời hạn giá trị sử dụng của giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; chứng nhận kiểm tra vệ sinh thú y

1. Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước được tính theo thời gian vận chuyển động vật, sản phẩm động vật từ nơi xuất phát đến nơi đến cuối cùng.

2. Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu có giá trị sử dụng từ 30 đến 45 ngày.

3. Thời hạn giá trị sử dụng của Giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam được tính theo thời gian tối đa cho phép lưu trú tại lãnh thổ Việt Nam.

4. Chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở có thời hạn giá trị sử dụng 02 năm.

Điều 7. Tổ chức thực hiện[10].

1. Mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Cục Thú y chịu trách nhiệm việc ban hành mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Các cơ quan kiểm dịch động vật thuộc Cục Thú y, Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm in ấn, sử dụng hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm tra vệ sinh thú y theo đúng quy định hiện hành.

4. [11] Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm tra vệ sinh thú y:

---

[10] Các điều 2, 3 của Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009 quy định như sau:

"**Điều 2.** Trách nhiệm của Chi cục trưởng Chi cục Thú y cấp tỉnh và Trạm trưởng Trạm Thú y cấp huyện:

1. Ủy quyền cho cán bộ có đủ năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước.

2. Thông báo cho các cơ quan, ban ngành liên quan danh sách cán bộ được ủy quyền thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

3. Chịu trách nhiệm về việc ủy quyền và thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch đối với cán bộ được ủy quyền.

Điều 3. Giao Cục trưởng Cục Thú y thực hiện:

1. Hướng dẫn về tiêu chuẩn, tổ chức đào tạo, tập huấn, cấp thẻ kiểm dịch viên động vật cho cán bộ được ủy quyền thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước.

2. Định kỳ, đột xuất kiểm tra đối với Chi cục Thú y cấp tỉnh, Trạm Thú y cấp huyện, kiểm dịch viên được ủy quyền trong việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước."

[11] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

a) Trạm Thú y quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi là Trạm Thú cấp huyện) được ủy quyền cho kiểm dịch viên động vật thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra khỏi huyện trong phạm vi tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Chi cục Thú y cấp tỉnh) được ủy quyền cho kiểm dịch viên động vật thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển ra ngoài tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

Chi cục Thú y cấp tỉnh định kỳ và đột xuất kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở chăn nuôi, sản xuất kinh doanh con giống, cơ sở giết mổ động vật, sơ chế sản phẩm động vật phục vụ tiêu dùng trong nước;

c) Trong trường hợp Trạm Thú y cấp huyện, Chi cục Thú y cấp tỉnh không ủy quyền cho kiểm dịch viên động vật thực hiện việc kiểm dịch và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thì thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và cấp giấy chứng nhận kiểm dịch theo mẫu quy định tại các khoản 12, 13, 14, 15 Điều 3 của Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Nghiêm cấm việc in, phát hành và sử dụng mẫu hồ sơ trái với quy định tại Quyết định này./.

BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Số: 15/VBHN-BNNPTNT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014
BỘ TRƯỞNG

Cao Đức Phát

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 1

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA KHỎI HUYỆN
Số:...../ĐK-KDNĐ

Kính gửi:.....

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I. ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Tình trạng sức khỏe động vật:.....
.....
Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:.....
..... theo Quyết định số...../..... ngày...../...../.....
của.....*(1)*..... *(nếu có)*.
Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau *(nếu có)*:
1..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
2..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
3..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
4..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
5..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau *(loại vắc xin, nơi sản xuất)*:
1..... tiêm phòng ngày...../...../.....
2..... tiêm phòng ngày...../...../.....
3..... tiêm phòng ngày...../...../.....
4..... tiêm phòng ngày...../...../.....
5..... tiêm phòng ngày...../...../.....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng (2)	Khối lượng (kg)	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của.....*(3)*..... *(nếu có)*.

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

III. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên tổ chức, cá nhân nhập hàng:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Nơi đến *(cuối cùng)*:.....

Phương tiện vận chuyển:.....

Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:

1. ..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2. ..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3. ..... Số lượng:..... Khối lượng:.....

Điều kiện bảo quản hàng trong quá trình vận chuyển:.....

Các vật dụng khác liên quan kèm theo:.....

.....

Các giấy tờ liên quan kèm theo:.....

.....

Địa điểm kiểm dịch:.....

Thời gian kiểm dịch:.....

Tôi xin cam đoan việc đăng ký trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Đăng ký tại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi..... giờ..... ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,....

- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 2

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT,
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT XUẤT KHẨU
Số:...../ĐK-KDXK

Kính gửi:.....

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Đề nghị được làm thủ tục kiểm dịch số hàng sau:

I. ĐỘNG VẬT:

Loại động vật	Giống	Tuổi	Tính biệt		Mục đích sử dụng
			Đực	Cái	
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Tình trạng sức khỏe động vật:.....
.....
Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với bệnh:.....
..... theo Quyết định số...../..... ngày...../...../.....
của.....*(1)*..... *(nếu có)*.
Số động vật trên đã được xét nghiệm các bệnh sau *(nếu có)*:
1..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
2..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
3..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
4..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
5..... Kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../.....
Số động vật trên đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh sau *(loại vắc xin, nơi sản xuất)*:
1..... tiêm phòng ngày...../...../.....
2..... tiêm phòng ngày...../...../.....
3..... tiêm phòng ngày...../...../ .....
4..... tiêm phòng ngày...../...../ .....
5..... tiêm phòng ngày...../...../ .....

II. SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT:

Tên hàng	**Quy cách đóng gói**	**Số lượng** (2)	**Khối lượng** (kg)	**Mục đích sử dụng**
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....

Số sản phẩm động vật trên đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y theo kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của.....*(3)*..... *(nếu có)*.

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

III. CÁC THÔNG TIN KHÁC:

Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....

.....

Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....

Cửa khẩu xuất:.....

Thời gian hàng đến cửa khẩu xuất:..... Phương tiện vận chuyển:.....

Nước nhập khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*:.....

Điều kiện bảo quản hàng trong vận chuyển:.....

Các vật dụng khác có liên quan kèm theo trong vận chuyển:.....

.....

Hồ sơ giấy tờ liên quan đến hàng vận chuyển gồm:.....

.....

.....

Địa điểm cách ly kiểm dịch:.....

Thời gian tiến hành kiểm dịch:.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật và cam kết chấp hành đúng pháp luật thú y.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm dịch tại địa điểm.....

.....

..... vào hồi..... giờ..... ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Tên cơ quan cấp giấy chứng nhận.

- (2) Số lượng kiện, thùng, hộp,....

- (3) Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 3

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM DỊCH (*)
Số:...../ĐK-KD
Kính gửi:.....(**)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax..... E-mail.....
Đề nghị quý Cơ quan kiểm dịch lô hàng (***):..... *(xuất khẩu, nhập khẩu)*.....
1. Tên hàng:.....
2. Nơi sản xuất:.....
3. Số lượng:.....
4. Kích cỡ cá thể *(đối với hàng hóa là thủy sản)*:.....
5. Trọng lượng tịnh:.....
6. Trọng lượng cả bì:.....
7. Loại bao bì:.....
8. Số hợp đồng hoặc số chứng từ thanh toán *(L/C, TTr...)*:.....
9. Tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
10. Nước xuất khẩu:.....
11. Cửa khẩu xuất:.....
12. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu:.....
13. Nước nhập khẩu:.....
14. Phương tiện vận chuyển:.....
15. Cửa khẩu nhập:.....
16. Mục đích sử dụng:.....
17. Giấy cho phép kiểm dịch nhập khẩu *(nếu có)*:.....
18. Địa điểm kiểm dịch:.....
19. Địa điểm nuôi trồng *(nếu có)*:.....
20. Thời gian kiểm dịch:.....
21. Địa điểm giám sát *(nếu có)*:.....
22. Thời gian giám sát:.....
23. Số bản giấy chứng nhận kiểm dịch cần cấp:.....

Chúng tôi xin cam kết: bảo đảm nguyên trạng hàng hóa nhập khẩu, đưa về đúng địa điểm, đúng thời gian được đăng ký và chỉ đưa hàng hóa ra lưu thông sau khi được quý Cơ quan cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch (****).

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT:

Đồng ý đưa hàng hóa về địa điểm:.....
.....
để làm thủ tục kiểm dịch vào hồi..... giờ, ngày..... tháng..... năm.....
Vào sổ số....., ngày..... tháng..... năm.....
..... (**)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN HẢI QUAN:
(Trong trường hợp lô hàng không được nhập khẩu)

Lô hàng không được nhập khẩu vào Việt Nam vì lý do.....
.....
.....
....., ngày..... tháng..... năm.....
CHI CỤC HẢI QUAN CỬA KHẨU......
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Giấy đăng ký được làm thành 03 bản;
(*) Đăng ký theo mẫu này được thể hiện trên 2 mặt của tờ giấy khổ A4;
(**) Tên Cơ quan Kiểm dịch;
(***) Phải có đầy đủ các tiêu chí theo đúng thứ tự và khai các tiêu chí thích hợp đối với lô hàng;
(****) Cam kết này chỉ ghi khi đăng ký kiểm dịch đối với hàng hóa nhập khẩu;
Lưu ý: Cá nhân đăng ký không có con dấu phải ghi rõ số Giấy Chứng minh nhân dân, ngày tháng và nơi cấp.

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 4

BẢN KHAI KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
DECLARATION FOR ANIMAL QUARANTINE
Số:...../BK-KD
Number:

Tên tàu:..... Quốc tịch:.....
Name of the ship *Nationality*
Tên thuyền trưởng:..... Tên bác sĩ:.....
Master's name: *Doctor's name:*
Số thuyền viên:..... Số hành khách:.....
Number of crew: *Number of passengers*
Cảng rời cuối cùng:..... Cảng đến tiếp theo:.....
Port of arrival from *Next port*

Cảng bốc hàng đầu tiên và ngày rời cảng đó:.....
The first port of loading and the date of departure
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật nhận ở cảng đầu tiên:
Name, quantity and weight of animal and animal products loaded at the first port:
.....
.....
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật nhận ở các cảng trung gian và tên các cảng đó:.....
Name, quantity and weight of animal and animal products loaded at the intermediate ports and the names of these ports:
.....
.....

Tên, số lượng, khối lượng hàng động vật, sản phẩm động vật cần bốc ở cảng này:
Name, quantity and weight of animal and animal products to be discharged at this port:
.....
.....
.....

Thuyền trưởng cam đoan những điều khai ở trên là đúng và chịu trách nhiệm chấp hành đầy đủ các quy định về kiểm dịch động vật.
The Master guarantees the correctness of the above mentioned declarations and his responsibility for entirely by the said regulations on animal quarantine.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Date
THUYỀN TRƯỞNG (ĐẠI LÝ HOẶC SỸ QUAN)
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
MASTER *(Authorized agent or officer)*
(Signature, stamp, full name)

Dấu
của cơ quan
Thú y

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 5

GIẤY ĐĂNG KÝ KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../ĐK-KTVSTY

Kính gửi:.....

Họ tên chủ cơ sở *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Đề nghị quý cơ quan kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở *(1)*:
1. Cơ sở chăn nuôi động vật.
Loại động vật:..... Số lượng:.....
2. Cơ sở sản xuất, kinh doanh con giống.
Loại động vật:..... Số lượng:.....
3. Cơ sở cách ly kiểm dịch động vật.
Loại động vật:..... Số lượng:.....
4. Cơ sở cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật.
Loại sản phẩm động vật:..... Khối lượng:.....
5. Nơi tập trung, bốc xếp động vật/sản phẩm động vật. ☐
6. Cơ sở giết mổ động vật.
Loại động vật:..... Công suất giết mổ:..... con/ngày
7. Cơ sở sơ chế sản phẩm động vật.
Loại sản phẩm động vật:..... Công suất:..... tấn/ngày
8. Cơ sở bảo quản sản phẩm động vật.
Loại sản phẩm động vật:..... Công suất:..... tấn
9. Cơ sở kinh doanh động vật/sản phẩm động vật.
Loại động vật/sản phẩm động vật:.....
10. Cơ sở sản xuất thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hóa chất dùng trong thú y: ☐
11. Cơ sở kinh doanh thuốc thú y/chế phẩm sinh học/hóa chất dùng trong thú y: ☐
12. Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật:
Loại động vật:.....
An toàn với bệnh:.....
13. Cơ sở xét nghiệm, cơ sở xét nghiệm chẩn đoán bệnh động vật: ☐
Địa điểm cơ sở:.....
.....
Địa điểm và thiết kế xây dựng đã được cơ quan thú y có thẩm quyền thẩm định vào ngày...../...../.....
Đăng ký kinh doanh/Giấy phép đầu tư số:..... Cấp tại.....

Mục đích sử dụng:

Tiêu thụ nội địa ☐

Phục vụ xuất khẩu ☐

Các giấy tờ liên quan:.....

.....

.....

Dự kiến thời gian cơ sở bắt đầu hoạt động: ngày...../...../.....

Tôi xin cam đoan việc khai báo trên hoàn toàn đúng sự thật.

Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH

Đồng ý kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y cơ sở

.....*(2)*.....

Thời gian kiểm tra:..... giờ, ngày...../...../.....

Vào sổ đăng ký số..... ngày...../...../.....

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đăng ký tại.....

Ngày..... tháng..... năm.....

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Tờ khai được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan tiếp nhận tờ khai giữ, 01 bản do chủ cơ sở hoặc người đại diện giữ;

- Cá nhân đăng ký không có con dấu, chỉ ký và ghi rõ họ tên;

- (1) Chỉ ghi hoặc đánh dấu x vào ô vuông đối với loại hình cơ sở đề nghị được kiểm tra;

- (2) Tên cơ sở đề nghị được kiểm tra vệ sinh thú y.

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 6

BIÊN BẢN KIỂM TRA VÀ LẤY MẪU XÉT NGHIỆM
Số:...../BB-KTLM

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
Tại địa điểm:.....
Chúng tôi gồm có:
1. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2. Ông bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây đã tiến hành kiểm tra hàng và lấy mẫu hàng sau đây để xét nghiệm:

Tên hàng	**Quy cách đóng gói**	**Tổng số hàng**		**Mẫu hàng lấy xét nghiệm**	
		Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Số lượng mẫu	Khối lượng *(kg)*
Tổng số					

Tình trạng hàng hóa:.....
.....
.....
.....
.....
Thời gian trả lời kết quả vào ngày..... tháng..... năm.....
Biên bản này được lập thành 02 bản:
- 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ;
- 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

- (1): nếu hàng là động vật thì ghi số lượng động vật (con); nếu hàng là sản phẩm động vật thì ghi số lượng kiện, thùng, hộp.

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 7

BIÊN BẢN GHI NHẬN TÌNH TRẠNG VỆ SINH THÚ Y CỦA ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
Số:...../BB-VSTY

Hôm nay, vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.....
Tại địa điểm:.....
Chúng tôi gồm có:
1. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2. Ông/bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Số điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Trong khi tiến hành kiểm tra vệ sinh thú y lô hàng:
1..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
4..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
Phương pháp kiểm tra vệ sinh thú y của hàng:.....
.....
Tình trạng vệ sinh thú y của hàng:.....
.....
.....
.....
Kết luận:.....
.....
Ý kiến của chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
.....
Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

Người làm chứng *(nếu có)*
(Ký, ghi rõ họ tên)

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 8

BIÊN BẢN MỞ NIÊM PHONG PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN, CHỨA ĐỰNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
Số:..... /BB-MNP

Hôm nay, hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... tại.....
.....
Chúng tôi gồm:
1. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan Hải quan cửa khẩu:.....
3. Ông/bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....
Với sự chứng kiến của:
Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....
Tiến hành mở niêm phong phương tiện vận chuyển, chứa đựng động vật/sản phẩm động vật để kiểm tra vệ sinh thú y đối với hàng hóa và phương tiện vận chuyển, chứa đựng.
Tình trạng vệ sinh thú y đối với lô hàng, phương tiện vận chuyển, chứa đựng:
.....
.....
.....
.....
Biên bản này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ quan Hải quan cửa khẩu giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Người làm chứng *(nếu có)*	**Đại diện Hải quan cửa khẩu**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu: 9

Số:...../QĐ-XLVSTY ....., *ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Xử lý vệ sinh thú y đối với động vật/sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y

THẨM QUYỀN BAN HÀNH (1)

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;
Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;
Căn cứ Quyết định số...../..... ngày..... tháng..... năm..... của.....*(2)*.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của.....*(3)*.....;
Căn cứ Biên bản ghi nhận tình trạng vệ sinh thú y hàng động vật, sản phẩm động vật số..... /BB-VSTY ngày...../..../..... của..... *(4)*.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với số hàng sau:
1..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
4..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
Của ông bà:..... là chủ hàng *(hoặc người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... Nơi cấp:.....
Số hàng trên đây không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y theo quy định như sau:
.....
.....
.....
Các vật dụng *(phương tiện, dụng cụ, bao bì chứa đựng, thức ăn, chất độn, chất thải)* có liên quan:.....
.....
Điều 2. Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các vật dụng có liên quan:.....
.....
.....
.....
.....
Điều 3. Địa điểm tiến hành xử lý vệ sinh thú y:.....
.....

Điều 4. Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:.....
.....
.....

Điều 5. Thời gian tiến hành xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng: vào hồi..... giờ.....; ngày...../...../.....

Điều 6. Nơi xử lý hàng phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.

Điều 7. Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Quyết định này lập thành 03 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng giữ.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

---

(1): *Thủ trưởng cơ quan ra quyết định xử lý;*
(2): Thẩm quyền ra quyết định;
(3): Tên cơ quan ra quyết định xử lý;
(4): *Tên cơ quan kiểm dịch động vật.*

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 10

BIÊN BẢN XỬ LÝ VỆ SINH THÚ Y
HÀNG ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
Số:...../BB-XLVSTY

Hôm nay, vào hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm.....
Tại địa điểm:.....
Chúng tôi gồm:
1. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
3. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Căn cứ Quyết định xử lý vệ sinh thú y đối với động vật, sản phẩm động vật không đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y số...../QĐ-XLVSTY ngày...../...../..... của.....
.....*(1)*.....
Đã tiến hành xử lý vệ sinh thú y lô hàng sau:
Tên hàng:.....
Số lượng:..... Khối lượng:.....
Của ông/bà:..... là chủ hàng *(người đại diện)*
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Biện pháp xử lý đối với số hàng trên và các dụng cụ có liên quan:.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
Địa điểm tiến hành xử lý:.....
.....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng:.....
.....
.....
Thời gian tiến hành xử lý: vào hồi..... giờ..... phút, ngày...../...../.....
Nơi xử lý đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định.
Phương pháp khử trùng tiêu độc:.....
Hóa chất sử dụng trong khử trùng tiêu độc:..... Nồng độ:.....

Kết quả xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng:.....
.....
.....

Quy định về việc sử dụng hàng sau khi đã xử lý vệ sinh thú y *(nếu không phải tiêu hủy)*:

1. Được phép sử dụng làm thực phẩm: ☐
2. Được phép sử dụng làm thức ăn chăn nuôi: ☐
3. Chỉ được phép chế biến nguyên liệu cho công nghiệp: ☐

Ý kiến của chủ hàng hoặc người đại diện:.....
.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản này lập thành 03: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do chủ hàng hoặc người đại diện giữ, 01 bản do tổ chức, cá nhân thực hiện việc xử lý vệ sinh thú y đối với lô hàng giữ.

Chủ hàng *(hoặc người đại diện)*	**Kiểm dịch viên động vật**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*
Tổ chức, cá nhân thực hiện xử lý hàng	**Các cơ quan liên quan**
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

(1): *Tên cơ quan kiểm dịch động vật.*

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 11

BIÊN BẢN KIỂM TRA ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y
Số:...../BB-KTVSTY

Hôm nay, vào hồi..... giờ....., ngày..... tháng..... năm.....
Tại cơ sở:.....
Địa chỉ.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Chúng tôi gồm:
1. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Là cán bộ cơ quan kiểm dịch động vật:.....
2. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
3. Ông/bà:..... Chức vụ:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:.....
Đã tiến hành kiểm tra điều kiện vệ sinh đối với cơ sở.
Kết quả kiểm tra:
1. Địa điểm:.....
2. Điều kiện nhà xưởng:.....
3. Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ:.....
4. Điều kiện nuôi nhốt động vật/bảo quản sản phẩm động vật.....
5. Nước sạch sử dụng tại cơ sở:.....
6. Nơi cách ly động vật ốm/nơi lưu giữ sản phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y:.....
.....
7. Nơi xử lý động vật, sản phẩm không đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y:.....
.....
8. Hệ thống thoát nước và xử lý chất thải:.....
9. Điều kiện sức khỏe của người làm việc tại cơ sở:.....
10. Đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc ngày..... tháng..... năm.....
- Phương pháp vệ sinh tiêu độc:.....
- Hóa chất sử dụng trong tiêu độc:..... nồng độ:.....
Kết luận:
.....
.....
.....
.....
.....

Kiến nghị *(nếu có)*:

.....

.....

.....

.....

Biên bản này lập thành 02 bản: 01 bản do cơ quan kiểm dịch động vật giữ, 01 bản do cơ sở được thẩm định giữ.

Đại diện cơ sở *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*	**Kiểm dịch viên động vật** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

CHI CỤC THÚ Y.....
TRẠM THÚ Y.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 12

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH
Số:...../CN-KDĐVTT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:.....
2..... Số lượng:.....
3..... Số lượng:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....
.....
2. Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
3. Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:.....
..... tại kết quả xét nghiệm số:...../.....
ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4. Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRẠM TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- *(1): Đối với động vật làm giống.*
- *(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

TRẠM THÚ Y.....

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 12a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH [12]
Số:...../CN-KDĐVTT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:.....
2..... Số lượng:.....
3..... Số lượng:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....
.....
2. Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
3. Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:.....
..... tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../.....
của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4. Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1): Đối với động vật làm giống.
- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

[12] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

CHI CỤC THÚ Y.....
TRẠM THÚ Y.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 13

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH
Số:...../CN-KDSPĐVTT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:.....
Địa chỉ:.....
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát.....
Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
2. Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... (*gửi kèm bản sao, nếu có)*.
3. Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....
.....
4. Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... *(nếu có)*.
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

Kiểm dịch viên động vật	**TRẠM TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

- *(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,...*
- *(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

TRẠM THÚ Y.....

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 13a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH[13]
Số:...../CN-KDSPĐVTT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:.....
Địa chỉ:.....
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1.....Số lượng:..... Khối lượng:.....
2.....Số lượng:..... Khối lượng:.....
3.....Số lượng:..... Khối lượng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát.....
Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh; xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
2. Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... (*gửi kèm bản sao, nếu có)*.
3. Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....
.....
4. Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... *(nếu có)*.
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....
KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

- *(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,...*
- *(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

[13] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

CHI CỤC THÚ Y..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 14

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH
Số:...../CN-KDĐVNT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:.....Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:.....
2..... Số lượng:.....
3..... Số lượng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....
.....
2. Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
3. Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:.....
..... tại kết quả xét nghiệm số:...../.....
ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4. Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

Kiểm dịch viên động vật **CHI CỤC TRƯỞNG**
(Ký, ghi rõ họ tên) *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

- (1): Đối với động vật làm giống.
- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CHI CỤC THÚ Y..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dấu
của cơ quan
Kiểm dịch
động vật

Mẫu: 14a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH [14]
Số:...../CN-KDĐVNT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:.....
2..... Số lượng:.....
3..... Số lượng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....
.....
2. Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
3. Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:.....
.....tại kết quả xét nghiệm số:..... /..... ngày...../...../.....
của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.
4. Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1): Đối với động vật làm giống.
- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

[14] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

CHI CỤC THÚ Y.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 15

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH
Số:...../CN-KDSPĐVNT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số: *(viết bằng chữ)*.....
Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:.....
Địa chỉ:.....
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....
Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khoẻ mạnh/xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
2. Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.
3. Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....
.....
4. Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... *(nếu có)*.
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../.....

Cấp tại....., ngày...../...../.....

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- *(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,....*
- *(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

CHI CỤC THÚ Y.....

Dấu của cơ quan Kiểm dịch động vật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 15a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN RA NGOÀI TỈNH[15]
Số:...../CN-KDSPĐVNT

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có vận chuyển số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Khối lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số: *(viết bằng chữ)*.....
Tên cơ sở sản xuất, sơ chế, bảo quản:.....
Địa chỉ:.....
Tên tổ chức, cá nhân nhận hàng:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
2..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
3..... Số lượng:..... Khối lượng:.....
Phương tiện vận chuyển:.....Biển kiểm soát:.....
Điều kiện bảo quản hàng khi vận chuyển:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Sản phẩm động vật trên được lấy từ động vật khỏe mạnh/xuất phát từ vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh và được giết mổ, sơ chế, bảo quản đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y theo quy định;
2. Sản phẩm động vật trên đã được kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả xét nghiệm số:...../..... ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có)*.
3. Sản phẩm động vật trên đáp ứng các yêu cầu sau:.....
.....
4. Sản phẩm động vật đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... *(nếu có)*.
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

KIỂM DỊCH VIÊN ĐỘNG VẬT
(Ký, ghi rõ họ tên)

- *(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,....*
- *(2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.*

[15] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 126/2008/QĐBNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2009.

CỤC THÚ Y
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH
TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 16
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE
Số:...../CN-KDĐVXK
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:
.....
Tel:..... Fax:..... Email:.....
Nơi xuất phát của động vật:.....
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Giống *Breed*	Tính biệt *Sex*	Tuổi *Age*

Tổng số:.....
Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng:..... Phương tiện vận chuyển:.....
Country of destination: *Means of transport:*
Tên, địa chỉ người nhận hàng:.....
Name and address of consignee:
.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:
I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:
a) Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.
Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.
b) Đáp ứng được các yêu cầu sau:
Satisfies/satisfy the following requirements:
.....
.....
.....

Giấy có giá trị đến:...../...../..... Giấy này làm tại..... ngày...../...../.....
Valid up to *Issued at* *on*

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CỤC THÚ Y
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH
TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 17
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
HEALTH CERTIFICATE FOR PRODUCTS OF ANIMAL
Số:...../CN-KDSPĐVXK
Number

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:.....
Tel:..... Fax:..... Email:.....
Tên, địa chỉ người nhận hàng:.....
Name and address of consignee:
.....
Loại sản phẩm:.....
Type of products:
Quy cách đóng gói:.....
Type of package:
Số kiện hàng:..... Khối lượng:.....
Number of package: *Net weight:*
Tên, địa chỉ nhà máy sản xuất, chế biến hàng:.....
Name and address of the processing establishment:
.....
Tel:..... Fax:.....
Phương tiện vận chuyển:.....
Means of transport:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật trên đáp ứng được các yêu cầu sau:
I, the undersigned official Veterinarian certify that the products described above satisfy the following requirement:
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Giấy có giá trị đến:...../...../..... Giấy này làm tại..... ngày...../...../.....
Valid up to *Issued at* *on*

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CỤC THÚ Y
TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 18

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NHẬP KHẨU VẬN CHUYỂN VỀ KHU CÁCH LY KIỂM DỊCH

Số:...../CN-ĐVCLKD

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
.....
Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập: ngày...../...../.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....
.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Số động vật trên khỏe mạnh và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.
3. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng.....nồng độ.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số động vật trên phải được chuyển đến khu cách ly kiểm dịch trước ngày...../..../..... để nuôi cách ly kiểm dịch tại địa điểm:.....
.....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:.....
.....
3. Nghiêm cấm vứt chất thải, rác thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển.
4. Chỉ được phép đưa động vật về khu cách ly kiểm dịch tại địa điểm nêu trên và đúng thời gian quy định để nuôi cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

CỤC THÚ Y
TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 19

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
NHẬP KHẨU VẬN CHUYỂN VỀ KHU CÁCH LY KIỂM DỊCH
Số:...../CN-SPĐVCLKD

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Trọng lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
.....
Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập:...../...../.....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....
.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Lô hàng nhập khẩu có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Sản phẩm động vật đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN

1. Số sản phẩm động vật trên phải được vận chuyển đến khu cách ly kiểm dịch trước ngày..../..../.... để kiểm dịch tại địa điểm:.....
.....
2. Chỉ được vận chuyển theo lộ trình:.....
.....
3. Nghiêm cấm vứt sản phẩm động vật, chất thải, bao bì chứa đựng trong quá trình vận chuyển.
4. Chỉ được phép đưa sản phẩm động vật về địa điểm cách ly kiểm dịch nêu trên và đúng thời gian quy định để cách ly kiểm dịch.

Giấy có giá trị đến...../...../.....
Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại....., ngày...../...../.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1): Số lượng kiện, thùng, hộp,.....

CỤC THÚ Y **TÊN CƠ QUAN** **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Mẫu: 20
Số...../TBCLKD	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Kết thúc thời gian cách ly kiểm dịch động vật

1. Tên đơn vị nhập khẩu động vật:.....
2. Loại động vật nhập khẩu:.....
3. Thời gian nhập khẩu:..... Số lượng:.....
4. Tình trạng động vật khi vận chuyển đến khu cách ly kiểm dịch:.....
.....
5. Các giấy tờ kèm theo:.....
.....
6. Tình hình động vật trong thời gian nuôi cách ly kiểm dịch:
a) Số con ốm:.....
Triệu chứng lâm sàng:.....
.....
Chẩn đoán:.....
b) Số con chết:.....
Triệu chứng lâm sàng:.....
.....
Bệnh tích:.....
.....
Chẩn đoán:.....
7. Động vật đã được xét nghiệm các bệnh tại kết quả xét nghiệm số...../..... ngày...../...../..... của.....*(1)*.....
8. Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
a) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
b) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
c) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
d) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
9. Kết luận:.....
.....
.....

Nơi nhận: - Cục Thú y (để b/c); - Chi cục Thú y nơi động vật được chuyển đến (để theo dõi); - Đơn vị nhập khẩu động vật; - Lưu VT, KD.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm

CỤC THÚ Y **TÊN CƠ QUAN** **KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
	Mẫu: 21
Số...../TBCLKD	....., *ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Kết thúc thời gian cách ly kiểm dịch sản phẩm động vật

1. Tên đơn vị nhập khẩu sản phẩm động vật:.....
2. Loại sản phẩm động vật:.....
Quy cách đóng gói:.....
Số lượng:..... Khối lượng:.....
Điều kiện kỹ thuật bảo quản hàng:.....
3. Thời gian nhập:.....
4. Tình trạng sản phẩm động vật khi vận chuyển đến khu cách ly kiểm dịch:.....
.....
5. Các giấy tờ kèm theo:.....
.....
6. Tình trạng sản phẩm động vật trong thời gian cách ly kiểm dịch:.....
.....
.....
Nguyên nhân hư hỏng *(nếu có)*:.....
.....
.....
7. Sản phẩm động vật đã được xét nghiệm các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại kết quả số...../..... ngày...../...../..... của.....*(1)*.....
8. Sản phẩm động vật đã được xử lý kỹ thuật và đảm bảo các tiêu chuẩn vệ sinh thú y sau khi xử lý *(nếu có)*;
Phương pháp xử lý:.....
9. Sản phẩm động vật đã được vệ sinh, khử trùng tiêu độc theo quy định *(nếu có)*;
Phương pháp khử trùng tiêu độc:.....
Hóa chất sử dụng:..... nồng độ:.....
10. Kết luận:.....
.....
.....

Nơi nhận: - Cục Thú y (để b/c); - Đơn vị nhập khẩu sản phẩm động vật; - Lưu VT, KD.	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN** *(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

(1): Tên cơ quan làm các xét nghiệm

CỤC THÚ Y
TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 22

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU

Số:...../CN-KDĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày...../...../..... tại.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có nhập khẩu số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
.....
Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....
Nơi chuyển đến:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....
.....
Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số động vật nêu trên:
1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi nhập khẩu.
3. Số động vật trên đã được tiêm phòng và có miễn dịch với các bệnh:
a) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
b) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
c) ..... Tiêm phòng ngày...../...../.....
4. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến...../...../.....
Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại....., ngày...../...../.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 23

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU KHÔNG DÙNG LÀM THỰC PHẨM[16]

Số:...../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Trọng lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
.....
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:.....
.....
Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập:...../...../.....
Nơi chuyển đến:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....
.....
Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:
1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y khi nhập khẩu.
3. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
4. Số sản phẩm động vật trên đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ..... (nếu có).
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến...../...../.....
Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại....., ngày...../...../.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- *(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,....*

[16] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010.

TÊN CƠ QUAN
KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 23a

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH VÀ VỆ SINH AN TOÀN
THỰC PHẨM SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT NHẬP KHẨU DÙNG LÀM THỰC PHẨM[17]

Số:...../CN-KDSPĐVNK

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Có nhập khẩu số sản phẩm động vật sau:

Loại hàng	Quy cách đóng gói	Số lượng *(1)*	Trọng lượng *(kg)*	Mục đích sử dụng
Tổng số				

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân xuất khẩu:.....
.....
Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất, chế biến:.....
.....
Nước xuất khẩu:..... Nước quá cảnh *(nếu có)*.....
Cửa khẩu nhập vào Việt Nam:..... Thời gian nhập:...../...../.....
Nơi chuyển đến:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....
Hồ sơ giấy tờ có liên quan:.....
.....
Phương tiện vận chuyển:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận số sản phẩm động vật nêu trên:
1. Có đầy đủ giấy tờ hợp lệ.
2. Đã được kiểm tra và đảm bảo các yêu cầu vệ sinh thú y và vệ sinh an toàn thực phẩm khi nhập khẩu.
3. Số hàng trên đáp ứng yêu cầu sử dụng làm thực phẩm cho con người.
4. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản theo quy định.
5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến...../...../.....
Kiểm dịch viên động vật
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cấp tại....., ngày...../...../.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- *(1): Số lượng kiện, thùng, hộp,....*

[17] Mẫu này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 53/2010/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26/12/2005 và Thông tư số 06/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2010.

CỤC THÚ Y
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH
TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 24
Form:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM
Veterinary certificate for temporatily imported for re-export, transport of point, transit of animal through Viet Nam

Số:...../CN-KDĐVQC
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:
.....

Tên, địa chỉ của chủ hàng (hoặc người đại diện):.....
Name and address of owner of commodity or his representavite:
.....

Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:.....
Name and address of final consignee:
.....

Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất:.....
Declared point of entry: *Declared point of exit:*

Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ...../...../..... đến...../...../.....
The duration transport or storage in Vietnam: From *to*

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Giống *Breed*	Tính biệt *Sex*	Tuổi *Age*

Tổng số:.....
Total:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned official Veterinarian certifies that:

1. Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;

2. Động vật khỏe mạnh, không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm khi nhập vào Việt Nam;
The animal/s is/are healthy, showed no clinical sign of contagious diseases when imported into Vietnam;

3. Các chất thải, chất độn, các dụng cụ có liên quan đã được xử lý vệ sinh thú y theo quy định;
Accopanying bedding, waste and tools have been treated in accodance with regulation;

4. Phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;
Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1. Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:.....
Allowed itinerary:
.....
2. Nghiêm cấm vứt chất thải, xác động vật trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and dead carcases during the transport is prohibited;
3. Phải thông báo cho cơ quan Thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy động vật có biểu hiện mắc bệnh;
Any sign of animals disease shall be reported to the nearest veterinary authority;
4. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.
Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....
Valid up to

Giấy này làm tại..... ngày...../...../.....
Issued at *on*

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

....., ngày...../...../.....
Issue at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CỤC THÚ Y
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH
TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 25
Form:

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT
TẠM NHẬP TÁI XUẤT, CHUYỂN CỬA KHẨU, QUÁ CẢNH LÃNH THỔ VIỆT NAM
Veterinary certificate for temporatily imported for re-export, transport of point, transit of animal product through Viet Nam

Số:...../CN-KDSPĐVQC
Number:

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:
.....
Tên, địa chỉ của chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Name and address of owner of commodity or his representavite:
.....
Tên, địa chỉ người nhận hàng cuối cùng:.....
Name and address of final consignee:
.....
Loại sản phẩm:.....
Type of products:
Quy cách đóng gói:.....
Type of package:
Số kiện hàng:..... Khối lượng:.....
Number of package: *Net weight:*
Cửa khẩu nhập:..... Cửa khẩu xuất:.....
Declared point of entry: *Declared point of exit:*
Thời gian lưu lại trên lãnh thổ Việt Nam: Từ...../...../..... đến...../...../.....
The duration transport or storage in Vietnam: From to

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sỹ thú y ký tên dưới đây chứng nhận:
I, the undersigned official Veterinarian certifies that
1. Lô hàng trên đã hoàn thành đầy đủ giấy tờ khi nhập vào Việt Nam;
The commodities described above have been completed with all the documents when imported into Vietnam;
2. Sản phẩm động vật được bao gói, bảo quản đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y;
The animal product/s packaged and stored in accordance with Vet. sanitary requirement
3. Phương tiện vận chuyển đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc và niêm phong theo quy định;
Transport means meet sanitary requirement and have been disinfected and sealed.

NHỮNG YÊU CẦU KHI VẬN CHUYỂN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM
REQUIREMENTS DURING TRANSPORT IN VIETNAMESE TERRITORY

1. Chỉ được phép vận chuyển theo lộ trình:.....
Allowed itinerary:
.....

2. Nghiêm cấm vứt chất thải, sản phẩm động vật trong quá trình vận chuyển;
Disposal of waste and animal products during the transport is prohibited
3. Phải thông báo cho cơ quan thú y nơi gần nhất khi phát hiện thấy sản phẩm động vật có biểu hiện hư hỏng;
Any sign of animals products decayed shall be reported to the nearest veterinary authority;
4. Thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật về thú y khi vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam.
Obey the stipulation of veterinary ordinance while in Vietnamese territory.

Giấy có giá trị đến:...../...../.....
Valid up to

Giấy này làm tại..... ngày...../...../.....
Issued at *on*

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT NƠI XUẤT
CERTIFICATION OF ANIMAL QUARANTINE ORGANIZATION AT POINT OF EXIT

.....
.....
.....
.....
.....

Bác sĩ thú y *(Ký, ghi rõ họ tên)*
Veterinarian *(Signature, full name)*

....., ngày...../...../.....
Issue at: *Date of issue:*

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
DIRECTOR *(Signature, stamp, full name)*

TÊN CƠ QUAN *(1)*

Số...../...*(2)*...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 26

....., *ngày...../...../.....*

CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

THẨM QUYỀN BAN HÀNH *(3)*

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y;

Căn cứ Quyết định số.../.../... ngày... tháng... năm... của.....*(4)*..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của.....*(5)*.....;

Căn cứ kết quả đánh giá tại Biên bản kiểm tra điều kiện vệ sinh thú y số..... /BB-KTVSTY ngày...../...../.....;

Căn cứ kết quả kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y tại phiếu báo kết quả số...../..... ngày...../...../..... của.....*(6)*..... về việc kiểm tra vệ sinh thú y đối với cơ sở.....*(7)*.....

CHỨNG NHẬN:

Tên cơ sở:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Lĩnh vực hoạt động:.....
Đăng ký kinh doanh số:.....
Cơ sở đủ tiêu chuẩn vệ sinh thú y để.....
.....
Giấy xác nhận vệ sinh thú y có giá trị đến ngày...../...../.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Giấy xác nhận này được làm thành 02 bản: 01 bản do cơ quan cấp giấy giữ, 01 bản do cơ sở giữ

(1) Tên cơ quan ban hành chứng nhận;

(2) *Chữ viết tắt tên cơ quan;*

(3) Chức vụ của người đứng đầu cơ quan ban hành;

(4) *Tên cơ quan có thẩm quyền ra quyết định;*

(5) *Tên cơ quan có thẩm quyền xác nhận;*

(6) *Tên cơ quan kiểm tra các chỉ tiêu vệ sinh thú y;*

(7) *Loại hình cơ sở được kiểm tra.*

Phụ lục 1
MẪU DẤU SỬ DỤNG KHI CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT

1. Đối với giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật vận chuyển trong nước:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ "BẢN GỐC" hoặc "BẢN SAO", bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.

Hình 1. Mẫu dấu "BẢN GỐC"

Hình 2. Mẫu dấu "BẢN SAO"

2. Đối với giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam:

a) Dấu có hình chữ nhật, kích thước 1,5 x 4,0cm; đường viền ngoài có bề rộng 0,1cm;

b) Bên trong khắc chữ "ORIGINAL" hoặc "COPY", bề rộng của nét chữ là 0,1cm; chiều cao của chữ là 01cm.

Hình 3. Mẫu dấu "ORIGINAL"

Hình 4. Mẫu dấu "COPY"

CHI CỤC THÚ Y.....
TRẠM THÚ Y.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 12

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
ĐỘNG VẬT VẬN CHUYỂN TRONG TỈNH
Số:...../CN-KDĐVTT

BẢN GỐC

Họ tên chủ hàng *(hoặc người đại diện)*:.....
Địa chỉ giao dịch:.....
Chứng minh nhân dân số:..... Cấp ngày:...../...../..... tại:.....
Điện thoại:..... Fax:..... Email:.....
Vận chuyển số động vật sau:

Loại động vật	Tuổi *(1)*	Tính biệt		Số lượng *(con)*	Mục đích sử dụng
		Đực	Cái		
Tổng số					

Tổng số *(viết bằng chữ)*:.....
Nơi xuất phát:.....
Nơi đến cuối cùng:.....
Phương tiện vận chuyển:..... Biển kiểm soát:.....
Nơi giao hàng trong quá trình vận chuyển *(nếu có)*:
1..... Số lượng:.....
2..... Số lượng:.....
3..... Số lượng:.....
Các vật dụng khác có liên quan:.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH

Tôi, kiểm dịch viên động vật ký tên dưới đây chứng nhận:
1. Số động vật trên xuất phát từ vùng/cơ sở an toàn với các bệnh:.....
.....
2. Số động vật trên không có triệu chứng lâm sàng của bệnh truyền nhiễm khi xuất phát;
3. Động vật đã được xét nghiệm và có kết quả âm tính với các bệnh:.....
.....tại kết quả xét nghiệm số:...../KQXN ngày...../...../..... của.....*(2)*..... *(gửi kèm bản sao, nếu có).*
4. Động vật đã được tiêm phòng vắc xin với các bệnh:
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....
- ..... tiêm phòng ngày...../...../.....

5. Phương tiện vận chuyển, các vật dụng khác có liên quan kèm theo đảm bảo yêu cầu vệ sinh thú y, đã được khử trùng tiêu độc bằng..... nồng độ.....

Giấy có giá trị đến ngày...../...../..... *Cấp tại....., ngày...../...../.....*

Kiểm dịch viên động vật **TRẠM TRƯỞNG**

- (1): Đối với động vật làm giống.
- (2): Tên cơ quan trả lời kết quả xét nghiệm.

CỤC THÚ Y
DEPARTMENT OF ANIMAL HEALTH
TÊN CƠ QUAN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
NAME OF ANIMAL HEALTH ORGANIZATION

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Mẫu: 16
Form:

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT
ANIMAL HEALTH CERTIFICATE
Số:...../CN-KDĐVXK
Number:

ORIGINAL

Tên, địa chỉ người xuất hàng:.....
Name and address of exporter:
.....
Tel:..... Fax:..... Email:.....
Nơi xuất phát của động vật:.....
Place of origin of the animal/s:

I. MÔ TẢ CHI TIẾT HÀNG
IDENTIFICATION OF THE ANIMAL/S

Số hiệu *Official mark*	Giống **Breed**	Tính biệt *Sex*	Tuổi **Age**

Tổng số:.....
Total:

II. XUẤT ĐI
DESTINATION OF THE ANIMAL/S

Nước nhập hàng:..... Phương tiện vận chuyển:.....
Country of destination: *Means of transport:*
Tên, địa chỉ người nhận hàng:.....
Name and address of consignee:
.....

CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH
HEALTH CERTIFICATE

Tôi, bác sĩ thú y ký tên dưới đây chứng nhận số động vật trên đã được kiểm tra:
I, the undersigned official Veterinarian certify that the animal/s described above was/were examined:
a) Không có biểu hiện lâm sàng bệnh truyền nhiễm trong ngày xuất phát.
Showed no clinical sign of contagious diseases on the day of shipment.
b) Đáp ứng được các yêu cầu sau:
Satisfies/satisfy the following requirements:
.....
.....

Giấy có giá trị đến:...../...../..... Giấy này làm tại..... ngày...../...../.....
Valid up to *Issued at on*

Bác sĩ thú y **GIÁM ĐỐC**
Veterinarian ***Director***

Phụ lục 2

HƯỚNG DẪN QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT, SẢN PHẨM ĐỘNG VẬT; CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

I. Đối với kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật nội địa:

1. Trạm Thú y huyện:

TRẠM TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. TRẠM TRƯỞNG
PHÓ TRẠM TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B

2. Chi cục Thú y các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

CHI CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B

II. Đối với kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất nhập khẩu:

1. Trạm Kiểm dịch động vật cửa khẩu:

TRẠM TRƯỞNG
Head of quarantine station

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. TRẠM TRƯỞNG
pp. Head of quarantine station
PHÓ TRẠM TRƯỞNG
Vice-Head of quarantine station

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B

2. Chi cục Thú y được Cục Thú y ủy quyền thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất nhập khẩu:

CHI CỤC TRƯỞNG
Director

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
pp. Director
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
Vice-Director

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B

3. Các Trung tâm có thẩm quyền thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất nhập khẩu thuộc Cục Thú y:

GIÁM ĐỐC
Director

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. GIÁM ĐỐC
pp. Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Vice-Director

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B

III. Đối với chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y:

1. Cục Thú y chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở phục vụ xuất nhập khẩu, cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B

2. Chi cục Thú y chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với các cơ sở phục vụ tiêu dùng trong nước:

CHI CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn A

KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

(Chữ ký, dấu)

Nguyễn Văn B